TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 33/2017/DS-ST
Ngày: 14-8-2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Sanh Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhâm
Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Vinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2016/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP)K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn C – chức vụ Tổng giám đốc; Trụ sở chính: 40 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Cẩm T – Phó giám đốc phòng giao dịch B - Ngân hàng TMCP K (có mặt);

- *Bị đơn*: Bà Tàu Thị L, sinh năm 1952 (tuổi thật là 75 tuổi) (có đơn xin mặt); Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Trần Thị S, sinh năm 1957 (vắng mặt)
2/. Ông Trần Văn H, sinh năm 1961 (vắng mặt)
3/. Ông Trần Văn L, sinh năm 1962 (vắng mặt)
4/. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1968 (vắng mặt)
5/. Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1973 (vắng mặt)
6/. Ông Lê Văn L, sinh năm 1977 (vắng mặt)
7/. Bà Lê Thị L, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K, xã T, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

8/. Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)
9/. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K xác định nội dung khởi kiện như sau: Vào ngày 28/02/2013 phía Ngân hàng TMCP K cho ông Lê Văn H và bà Tàu Thị L vay số tiền 190.000.000 đ (một trăm chín mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số UV 0126/HĐTD ngày 27/02/2013, mục đích vay là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, thời hạn vay là 14 tháng, lãi suất 1,6% tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay; Tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 280720 ngày 17- 5-2002, diện tích 15.418 m^2 tờ bản đồ số 02; thửa 5,6,8,9,10; đất tọa lạc ấp K, xã T, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Sau khi ký hợp đồng tín dụng bà L, ông H đã nhận đủ số tiền vay là 190.000.000 đ (một trăm chín mươi triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L, ông H không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc và đóng lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Ngân hàng TMCP K đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho bà L, ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà vẫn không có thiện chí thực hiện. Đến ngày 24/2/2016, bà L, ông H còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc và lãi là 347.765.858,đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi tám đồng).

Nay, Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông H thanh toán dứt số nợ gốc và lãi tính đến ngày ghi trong đơn khởi kiện là 347.765.858,đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi tám đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Nếu, phía bà L không trả nợ, đề nghị Tòa án cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp. Buộc bà L và ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định pháp luật.

* Bị đơn bà Tàu Thị L cho rằng: Vào ngày 28/02/2013, ông H, bà L có vay của Ngân hàng TMCP K số tiền 190.000.000 đ (một trăm chín mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số UV 0126/HĐTD ngày 27/02/2013, mục đích vay là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, thời hạn vay là 14 tháng, lãi suất 1,6% tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay; Tài sản thế chấp là phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 280720 ngày 17- 5-2002, diện tích 15.418 m^2 tờ bản đồ số 02; thửa 5,6,8,9,10; đất tọa lạc ấp K, xã T, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Sau khi ký hợp đồng tín dụng bà L, ông H đã nhận đủ số tiền vay là 190.000.000 đ (một trăm chín mươi triệu đồng). Do việc làm ăn thất bại thua lỗ nên ông bà không có khả năng đóng lãi, cũng như trả nợ gốc cho ngân hàng đúng hạn được. Ngân hàng đã nhiều lần xuống gia đình thì bà L cũng đã làm nhiều cam kết trả nợ nhưng vẫn không có khả năng thực hiện.

Về hoàn cảnh gia đình bà L cho rằng: trước đây bà có chồng là ông Trần Văn V (đã chết trước năm 1975), ông bà có được 04 người con là : bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th. Sau khi ông V mất bà L tái hôn với chồng sau là ông Lê Văn H (đã chết năm 2014), ông H và bà L có 03 người con chung là: ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L và bà Lê Thị L.

Nay, Ngân hàng khởi kiện bà L thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền: 347.765.858,đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi tám đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết

khoản nợ và chịu án phí theo qui định pháp luật. Bà sẽ trả một lần vào ngày 30/9/2016. Nếu đến ngày thoả thuận bà L không thực hiện được thì bà sẽ đồng ý để Cơ quan cơ thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời gian vay ngân hàng do hoàn cảnh khó khăn bà L đã cầm cố phần đất 09 công tầm 3 mét nằm trong phần đất thế chấp ngân hàng cho ông Hồ Văn Đ và bà Trần Thị Q với giá 135.000.000 đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Phía bà và ông Đ, bà Q sẽ tự thoả thuận về số tiền cầm cố đất không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L tại bản tự khai cho rằng: Bà là con ruột của bà Tàu Thị L và ông Lê Văn H (đã chết năm 2014). Trong thời gian chung sống bà L và ông H có tổng cộng 03 người con chung: ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L và bà Lê Thị L. Trước đó mẹ bà có một đời chồng là ông Trần Văn V (đã chết trước năm 1975) có được 04 người con là : bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th. Nay, Ngân hàng K khởi kiện bà L thì bà hoàn toàn thống nhất với cách giải quyết của mẹ là bà Tàu Thị L. Ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu trong vụ kiện này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn Đ và bà Trần Thị Q tại bản tự khai cho rằng: Vào ngày 20/12/2014 ông, bà có cố của bà L phần đất 09 công tầm 3 mét thời gian 03 năm với giá 135.000.000 đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Khi cố đất hai bên có làm giấy tay, ông bà đã giao đủ tiền cho bà L. Nay, bà L bị phía Ngân hàng K khởi kiện có liên quan đến phần đất này thì ông bà không yêu cầu độc lập trong vụ án này, vợ chồng ông bà sẽ giao lại phần đất 09 công tầm 3 mét cho bà L để giải quyết với phía Ngân hàng và các bên liên quan. Số tiền 135.000.000 đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) ông bà sẽ tự thỏa thuận với phía bà L. Nếu, bà L không thực hiện theo thỏa thuận được thì ông bà sẽ khởi kiện bà L bằng một vụ kiện khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của bà L gồm: bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th, ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L không có mặt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Nhưng, ông, bà vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến và yêu cầu của các các đương sự .

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có ý kiến như sau:

- Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tàu Thị L thanh toán dứt số nợ đến ngày xét xử 14/8/2017 bằng: 448.734.913 đ (Bốn trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm mười ba đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu, phía bà L không trả nợ, đề nghị Tòa án cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp. Buộc bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định pháp luật.

- Phía bị đơn bà Tàu Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai và Biên bản hòa giải bà L đã tự nguyện phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc 190.000.000 đ và lãi phát sinh từ lúc vay cho đến khi trả hết nợ nhưng không xác định thời gian trả nợ cụ thể.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị L vắng mặt tại phiên Tòa nhưng trong bản tự khai và biên bản hòa giải cho rằng bà là con của bà Tàu Thị L và bà thống nhất với ý kiến của bà L ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu trong vụ kiện này.

- Ông Hồ Văn Đ và bà Trần Thị Q vắng mặt tại phiên Tòa nhưng trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai cho rằng: ông bà sẽ tự thỏa thuận với phía gia đình bà L về số tiền cầm cố đất. Nếu, gia đình bà L không thực hiện theo thỏa thuận thì ông bà sẽ khởi kiện vợ chồng bà L bằng một vụ kiện khác và ông bà cũng không có ý kiến và yêu cầu trong vụ kiện này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của bà L gồm: bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th, ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L không có mặt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Nhưng, ông, bà vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến và yêu cầu của các các đương sự .

- Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cho rằng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện còn trong thời hiệu. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, cấp tống đạt cho Viện kiểm sát, người tham gia tố tụng đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án vẫn con để vụ án quá hạn luật định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Bà Tàu Thị L và ông Lê Văn H là bị đơn, trong quá trình vay tiền ông H đã chết năm 2014. Vì vậy, tất cả các con của bà Tàu Thị L là bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th, ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L, bà Lê Thị L phải cùng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bà Tàu Thị L là bị đơn và bà Lê Thị L, ông Hồ Văn Đ, bà Trần Thị Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th, ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bà L, bà L, ông Đ, bà Q theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự và xét xử vắng mặt bà S, ông H, ông L, bà Th, ông Nh, ông L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch B tiến hành khởi kiện được Tòa án thụ lý là đúng thủ tục và phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là "Tranh chấp hợp

đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 471, 473, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K, qua thẩm vấn đương sự tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật. Qua thẩm tra cho thấy hợp đồng tín dụng số UV 0126/HĐTD ngày 27/02/2013 giữa Ngân hàng TMCP K và bà L, ông H được các bên ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong các hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ khả năng của các bên được pháp luật cho phép. Tại hợp đồng tín dụng số UV 0126/HĐTD ngày 27/02/2013 của Ngân hàng TMCP K có quy định rõ về cách tính lãi, mức tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt được bà L, ông H đồng thuận ký kết trong hợp đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005 và Quyết định số 1296/QĐ-NHKL ngày 19-5-2016 về qui định phương pháp tính lãi và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng TMCP K. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bà L và các con không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, qua công bố lời khai tại phiên tòa, sau khi nghiên cứu hồ sơ cho thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà Tàu Thị L đã thừa nhận toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ để buộc bà L và các con phải trả nợ gồm tiền vốn và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ cho ngân hàng TMCP K.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo HĐTD, giữa Ngân hàng và bà Tàu Thị L đã ký kết 01 HĐTC số: UV 0126/HĐTD ngày 27/02/2013, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 280720 ngày 17- 5-2002, diện tích 15.418 m^2 tờ bản đồ số 02; thửa 5,6,8,9,10; đất tọa lạc ấp K, xã T, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang là quyền sở hữu của bà Tàu Thị L, theo bà L tài sản này được tạo lập trước thời kỳ hôn nhân với ông Lê Văn H, chỉ đứng tên bà trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thế chấp tài sản theo đúng trình tự thủ tục pháp luật. Bà L đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, con bà là bà Lê Thị L cùng đồng ý với ý kiến của bà, những người con khác của bà L là bà S, ông H, ông L, bà Th, ông Nh, ông L được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt ở Tòa án nên không có ý kiến. Vì vậy,yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th, ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L qua xác minh nơi cư trú cho thấy các ông bà vẫn còn hộ khẩu tại địa phương nhưng bỏ đi làm xa ăn không rõ địa chỉ, do đó Tòa án đăng thông báo tìm kiếm trên

phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L, ông Hồ Văn Đ, bà Trần Thị Q không có ý kiến và yêu cầu trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự cũng như ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án. Qua việc trình bày và công bố lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ buộc bà Tàu Thị L và các con là là bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền: 448.734.913đ trong đó: vốn gốc: 190.000.000đ và lãi phát sinh đến ngày 14/8/2017 bằng: 258.734.913đ là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Tàu Thị L phải chịu án phí có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản tranh chấp[20.000.000 đ + (48.734.913 đ x 4%)] = 21.949.397 đ. Ngân hàng TMCP K được nhận lại 8.694.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007801, ngày 10/5/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, 147, 227, 228 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 471, 473, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

*** Tuyên bố:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

- Xử buộc: Bà Tàu Thị L và các con là bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền vốn, lãi bằng: 448.734.913 đ (Bốn trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm mười ba đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết khoản vay.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Tàu Thị L và các con là bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi từ ngày 15/8/2017 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kể từ ngày bà Tàu Thị L và các con là bà Trần Thị S, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Th, bà Lê Thị L , ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ,thì Ngân hàng TMCP K nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 280720 ngày 17- 5-2002, diện tích 15.418 m^2 tờ bản đồ số 02; thửa 5,6,8,9,10; đất tọa lạc ấp K, xã T, huyện Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cho bà Tàu Thị L.

Nếu gia đình bà Tàu Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành xử lý tài sản thế

chấp là đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 280720 ngày 17- 5-2002, diện tích 15.418 m^2 tờ bản đồ số 02; thửa 5,6,8,9,10; đất tọa lạc ấp K, xã T, huyện Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do bà Tàu Thị L đứng tên để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Tàu Thị L phải chịu án phí có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản tranh chấp: 21.949.397 đ (Hai mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Ngân hàng TMCP K được nhận: lại 8.694.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007801, ngày 10/5/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên Tòa biết có quyền quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2017). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Sanh Hiền